

Bản án số: 177/2025/DS-ST

Ngày: 10/6/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Trần Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Khuru Hán Quang;

- Bà Dương Nguyễn Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 218/2023/TLST-DS ngày
27/10/2023 về việc “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 26/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/
QĐST-DS ngày 22/4/2025 và Quyết định ngừng phiên tòa số 07/2025/QĐXXST-
DS ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: Long An, Long
Thắng, Lai Vung, Đồng Tháp; địa chỉ liên lạc: Xx/x khu phố Thạnh Hòa B,
phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Huỳnh Thạch C, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: A Thạnh Hóa B,
phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: xx/x
khu phố Thạnh Hòa B, phường An Thạnh, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương.

Bị đơn:

1. Ông Trang Thanh S, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Xxx/x đường
3/2 Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Xxx/x đường
Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Quách Túc H, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Xxx/x đường 3/2
Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Xxx/x đường Lạc
Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C và bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S là bà con nên tin tưởng lẫn nhau. Ông Đ, bà C sinh sống tại tỉnh Bình Dương; bà H, ông S sinh sống tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/5/2019, ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C có cho bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S mượn số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời gian mượn là 06 (sáu) tháng, lãi suất là 1%/tháng.

Ngày 17/6/2019, ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C có cho bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S mượn thêm số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), thời gian mượn là 06 (sáu) tháng, lãi suất là 1%/tháng.

Cả hai lần mượn tiền đều do ông S, bà H từ Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà của ông Đ, bà C tại Bình Dương để nhận. Do là bà con, bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S nói không cần viết giấy; nếu như vợ chồng ông Đ, bà C lo lắng thì cứ tự viết, bà Quách Túc H sẽ ký xác nhận. Ông Đ, bà C cũng tin tưởng nên bà C chỉ viết giấy mượn tiền để cho nhớ ngày, chỉ có một mình bà H (tên gọi ở nhà là Hua) ký tên và ghi rõ họ tên mà không yêu cầu ông Trang Thanh S cùng ký vào. Xác định hai khoản vay được tính từ ngày 17/6/2019.

Sau khi nhận tiền, bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S chỉ trả lãi được 04 tháng nhưng không liên tục, cụ thể gồm:

- Năm 2019: Đã nhận lãi tháng 7/2019 và tháng 8/2019, từ tháng 9/2019 ông S, bà H không trả lãi; trong năm 2019 nợ lãi 04 tháng;

- Năm 2020: Đã nhận lãi tháng 02/2020 và tháng 6/2020: trong năm 2020 còn nợ lãi 10 tháng;

- Từ 17/01/2021 đến tháng 17/3/2024: còn nợ lãi 39 tháng.

Như vậy, tính đến ngày 17/3/2024, bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S không trả lãi 53 tháng và cũng né tránh việc hoàn trả vốn như đã hứa. Do dịch Covid 19 xảy ra nên ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C cũng chưa có điều kiện đến làm việc với bà H, ông S.

Tháng 8/2022, ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 11 và được Tòa án thụ lý giải quyết theo hồ sơ số 01/2023/DSST ngày 04/01/2023. Trong quá trình giải quyết, do phía bà H, ông S không thừa nhận nợ và không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên ông Đ, bà C rút đơn khởi kiện để nộp đơn tố giác tội phạm tại Công an Quận 11. Tòa án nhân dân Quận 11 ban hành Quyết định đình chỉ số 80/QĐST-DS ngày 31/5/2023. Tuy nhiên, do phía Công an Quận 11 không thụ lý giải quyết nên ngày 10/10/2023, ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C nộp đơn khởi kiện lại vụ việc.

Trong quá trình Tòa án triệu tập giải quyết, bà H, ông S cố tình không đến đúng ngày Tòa án triệu tập, không thừa nhận có nợ và cho rằng chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền không phải của bà Quách Túc H. Nguyên đơn đề nghị Tòa án

tiến hành giám định chữ ký, chữ viết để có cơ sở giải quyết vụ án. Nay đã có kết luận giám định, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Nay, ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S phải thanh toán số tiền nợ vốn còn thiếu là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S thanh toán số tiền lãi tạm tính từ tháng 10/2019 đến tháng 03/2024 là $250.000.000đ \times 53 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 132.000.000đ$ (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

- Buộc bà H và ông S thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi nêu trên một lần ngay sau khi có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn: Bà Quách Túc H đã được Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết theo giấy triệu tập.

Ngày 11/3/2024, bà Quách Túc H có bản tự khai nộp cho Tòa án, có nội dung: Vụ kiện này đã được Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý số 01/2023/DSST ngày 04/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C và bà Quách Túc H. Sau đó, vụ án đã đình chỉ giải quyết vụ kiện. Ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân Quận 11 tiếp tục Thụ lý số 218/2023/TLST - DS ngày 27/10/2023 về việc “Tranh chấp vay tài sản” giữa ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C và bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S. Hồ sơ vụ kiện vẫn không có tình tiết mới để thụ lý lại mà vẫn là chứng cứ cũ, tình tiết cũ, có khác là thêm yêu cầu về lãi suất và thêm ông Trang Thanh S - chồng bà H vào vụ kiện. kèm theo đơn khởi kiện, ông Đ, bà C có xuất trình giấy nợ ghi số tiền là 70.000.000đ + 180.000.000đ = 250.000.000đ. Khoản nợ này bà Quách Túc H không thừa nhận vì chữ ký không phải của bà H mà được giả mạo.

Bà Quách Túc H không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà C vì: Vào thời điểm vay nợ 15/5/2019 và 17/6/2019 mọi việc kinh doanh buôn bán tại Sài Gòn đều ngưng trệ vì thông tin đại dịch Covid-19 nên bà H không có nhu cầu đầu tư mà cần tiền đến nỗi phải vay nợ. Bà H không có vay tiền của ông Đ, bà C . Bà H không vay tiền sao phải đóng lãi.

Tại giấy nợ mà ông Đ, bà C kèm theo đơn: chữ ký sát hàng chữ cuối không phải của bà H, có hai màu chữ, màu chữ đậm được ghi thêm vào giấy nợ là năm và lãi suất 1% cho thấy rằng giấy nợ này được ngụy tạo và không có giá trị. Vì ngoài việc ghi thêm vào giấy nợ, phần gốc (chữ nhạt) lại không có ghi chú của người vay là “đã nhận đủ tiền” và không có người làm chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu khởi kiện của tranh chấp hợp đồng dân sự quy định là ba năm, dịch Covid-19 xuất hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/01/2020; bốn lần nhận lãi: ngày 20/7/2019, ngày 07/11/2019, ngày 11/2/2020 và ngày 15/6/2020 thì lần nhận lãi cuối cùng chứng minh quyền và lợi ích của ông Đ, bà C bị xâm phạm là ngày 07/11/2019. Tính đến ngày khởi kiện được thụ lý lại là ngày 27/10/2023 thì đã quá ba năm nên nguyên đơn hết thời hiệu

khởi kiện. Bà Quách Túc H đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Bị đơn – bà Quách Túc H xác nhận có nhận được Văn bản của Tòa án, do công việc nên có nộp bản tự khai trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Việc này không liên quan đến vợ chồng bà H, ông S.

3. Bị đơn: Ông Trang Thanh S đã được Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết theo giấy triệu tập.

Ngày 22/01/2024, ông Trang Thanh S có bản tự khai nộp cho Tòa án; có nội dung tương tự như ý kiến của bà Quách Túc H:

Vợ ông Trang Thanh S - bà Quách Túc H không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà C , vì: Bà H không có vay tiền của ông Đ, bà C . Bà H không vay tiền sao phải đóng lãi. Tại giấy nợ mà ông Đ, bà C kèm theo đơn: chữ ký sát hàng chữ cuối không phải của bà H, có hai màu chữ, màu chữ đậm được ghi thêm vào giấy nợ là năm và lãi suất 1% cho thấy rằng giấy nợ này được ngụy tạo và không có giá trị.

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu khởi kiện của tranh chấp hợp đồng dân sự quy định là ba năm, dịch Covid-19 xuất hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/01/2020; bốn lần nhận lãi: ngày 20/7/2019, ngày 07/11/2019, ngày 11/2/2020 và ngày 15/6/2020 thì lần nhận lãi cuối cùng chứng minh quyền và lợi ích của ông Đ, bà C bị xâm phạm là ngày 07/11/2019. Tính đến ngày khởi kiện được thụ lý lại là ngày 27/10/2023 thì đã quá ba năm nên nguyên đơn hết thời hiệu khởi kiện. Ông Trang Thanh S đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên. Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S đã được Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

a) Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

b) Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Quách Túc H trả cho ông Lê Văn Đ và bà Huỳnh Thạch C số tiền là 250.000.000 đồng và tiền lãi 167.500.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Trang Thanh S liên đới cùng bà Quách Túc H trả nợ.

- Án phí: Bị đơn chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C khởi kiện yêu cầu bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S trả số tiền nợ vay, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S có hộ khẩu thường trú tại Quận 11. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ở Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn: Bà Quách Túc H và ông Trang Thanh S có ý kiến nguyên đơn hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Xét nguyên đơn nộp đơn lần đầu vào tháng 8/2022 còn trong thời hiệu khởi kiện. Việc rút đơn để tố giác hình sự không làm mất quyền khởi kiện theo Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn nộp đơn lại tháng 10/2023 vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng):

[4.1] Xét nguyên đơn yêu cầu buộc bà Quách Túc H phải thanh toán số tiền nợ vốn còn thiếu là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Xét nội dung trên mảnh giấy tập:

Đoạn 1 “ 11/4A6l

15/5dl2019 Hua có mượn tiền của A đông 70 triệu đồng chẵn. Bảy mươi triệu đồng chẵn. Tính lãi 1% trên một tháng.

Chữ ký

Quách Túc H (Hua) ”

Đoạn 2: “ 15/5 Âm Hoa mượn tiền A đồng

17/6 dl2019

180.000.000 triệu đồng chẵn .

một trăm tám mươi triệu đồng chẵn

Tính 1% trên một tháng

Thời hạn trả 6 tháng kể từ ngày mượn.

Người giao

Huỳnh Thạch C

Chữ ký

Quách Túc H (Hua) ”.

Xét lời trình bày của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C: Do là bà con, bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S nói không cần viết giấy; nếu như vợ chồng ông Đ, bà C lo lắng thì cứ tự viết, bà Quách Túc H sẽ ký xác nhận.

Xét lời trình bày của của bà Quách Túc H tại bản tự khai ngày 11/3/2025: “*Tại giấy nợ mà ông Đ bà C kèm theo đơn ... chữ ký sát hàng chữ cuối cùng và không phải của tôi, ... giấy nợ này được ngụy tạo và không có giá trị,...*”

Căn cứ Kết luận giám định số 768/KL-KTHS ngày 08/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“ 1. Chữ viết họ tên Quách Túc H trên tài liệu cần giám định ký Hiệu A (đã nêu II.1) so với chữ viết của Quách Túc H trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2,M3 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Quách Túc H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu II.1) so với chữ ký của Quách Túc H trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2,M3 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người viết ra hay không”.

Mặc dù kết luận giám định không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Quách Túc H trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Quách Túc H trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không. Nhưng kết luận giám định Chữ viết họ tên Quách Túc H trên tài liệu cần giám so với chữ viết của Quách Túc H trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Xét chữ ký có thể khác nhau, có thể thay đổi nhưng chữ viết là nét viết đặc trưng của mỗi người nên theo kết luận giám định nêu trên có cơ sở xác định chữ viết trên Giấy vay tiền là của bà Quách Túc H.

Căn cứ Điều 94 và 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đây là chứng cứ gián tiếp có giá trị chứng minh; việc bà Quách Túc H có vay tiền của ông Lê Văn Đ và bà Huỳnh Thạch C là có thật.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;... ”.

Xét thấy bà Quách Túc H có giao dịch vay tiền của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bà Quách Túc H trả số nợ gốc 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét nguyên đơn yêu cầu buộc ông Trang Thanh S phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ với bà Quách Túc H:

Xét lời trình bày của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C: Ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C tin tưởng nên viết giấy mượn tiền để cho nhớ ngày, chỉ có một mình bà H (tên gọi ở nhà là Hua) ký tên và ghi rõ họ tên mà không yêu cầu ông Trang Thanh S cùng ký vào.

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Vợ, chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ, chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ, chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; ...”.

Xét nội dung trên Giấy vay tiền chỉ có một mình chữ ký, chữ viết của bà Quách Túc H (Hua), không có nội dung liên quan đến ông Trang Thanh S. Ông Trang Thanh S không thừa nhận có vay tiền của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C. Nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được bà Quách Túc H mượn tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Trang Thanh S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Quách Túc H trả nợ là không có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lãi tạm đến ngày 17/5/2025 là $250.000.000đ \times 67 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 167.500.000đ$ (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng):

Xét Giấy vay tiền có nội dung: *“11/4al, 15/5dl2019 ... Tính lãi 1% trên một tháng...”* và *“15/5 Âl, 17/6 dl2019 ... Tính 1% trên một tháng ...”*.

Xét trình bày của nguyên đơn: Bà Quách Túc H, ông Trang Thanh S chỉ trả lãi được 04 tháng nhưng không liên tục, cụ thể gồm: Năm 2019: Đã nhận lãi tháng 7/2019 và tháng 8/2019, từ tháng 9/2019 ông S, bà H không trả lãi; trong năm 2019 nợ lãi 04 tháng; năm 2020: Đã nhận lãi tháng 02/2020 và tháng 6/2020: trong năm 2020 còn nợ lãi 10 tháng; từ 17/01/2021 đến ngày 17/5/2025 còn nợ lãi: 53 tháng; tổng cộng là 67 tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/5/2025 với lãi suất 1%/tháng là $250.000.000đ \times 67 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 167.500.000đ$ (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...”*

Như vậy, các bên thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng tương đương 12%/năm phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nguyên đơn xác nhận đã nhận được tiền lãi 04 tháng, tạm tính đến ngày 17/5/2025 bị đơn không trả lãi là 67 tháng. Bị đơn không thừa nhận vay tiền và không phải trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/10/2019 đến ngày 17/5/2025 là $250.000.000đ \times 67 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 167.500.000đ$ (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Quách Túc H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C số tiền 417.500.000 (Bốn trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn) đồng; trong đó: tiền vốn vay là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 17/5/2025 là 167.500.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng; buộc bà H phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quách Túc H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C.

2. Buộc bà Quách Túc H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C số tiền 417.500.000 (Bốn trăm mười bảy triệu năm trăm ngàn) đồng; trong đó: tiền vốn vay là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 17/5/2025 là 167.500.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng; buộc bà H phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C buộc ông Trang Thanh S có trách nhiệm liên đới cùng bà Quách Túc H trả nợ.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quách Túc H phải chịu án phí là 20.700.000 (hai mươi triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021674 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Lê Văn Đ, bà Huỳnh Thạch C số tiền chênh lệch là 8.950.000 (tám triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Trần Ngọc Phương